

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 17 hộ và điều chỉnh giảm toàn bộ giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 07 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Xây dựng Tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mô mã trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới;*

*Căn cứ Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, GPMB xây dựng Khu tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, thành phố Quy Nhơn;*

*Căn cứ các Quyết định: số 1331/QĐ-UBND ngày 24/4/2023, số 1362/QĐ-UBND ngày 25/4/2023, số 1930/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 và số 2490/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng đất có nhà ở do GPMB dự án Xây dựng Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 1293/TTr-STNMT ngày 26/10/2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho 17 hộ và điều chỉnh giảm toàn bộ giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 07 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Xây dựng Tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, với nội dung chính như sau:

**1.** Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là 53.093.969.000 đồng (*Năm mươi ba tỷ, không trăm chín mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi chín ngàn đồng*). Trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất: 41.325.130.000 đồng;
- Giá trị bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc: 10.084.217.000 đồng;
- Giá trị bồi thường cây cối, hoa màu: 174.064.000 đồng;
- Giá trị bồi thường di dời tài sản, hỗ trợ tiền thuê nhà và hỗ trợ khác: 389.500.000 đồng;
- Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB: 80.000.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 1.041.058.000 đồng;

**2. Nguồn vốn chi trả:** Vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới.

**3.** Điều chỉnh giảm giá trị bồi thường, hỗ trợ đã được UBND tỉnh phê duyệt

- Điều chỉnh giảm toàn bộ giá trị bồi thường, hỗ trợ của 03 hộ gia đình (*hộ ông Ngô Đình Hảo, vợ Võ Thị Thanh Thủy, hộ ông Trần Thanh Thế, vợ Ngô Thị Thanh Phương và hộ Đình Văn Quyên, vợ Lê Thị Nữ*) là 10.523.012.000 đồng và chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB (2%) là 210.460.000 đồng đã được phê duyệt tại Quyết định số 1362/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh giảm là 10.733.472.000 đồng;

- Điều chỉnh giảm toàn bộ giá trị bồi thường, hỗ trợ của 03 hộ gia đình (*hộ ông Nguyễn Đình Thanh, vợ Trần Thị Anh, hộ ông Nguyễn Tấn Hay, vợ Trần Thị Cẩm và hộ ông Phạm Văn Nga*) là 17.280.565.000 đồng và chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB (2%) là 345.611.000 đồng đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 01/6/2023. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh giảm là 17.626.176.000 đồng;

- Điều chỉnh giảm toàn bộ giá trị bồi thường, hỗ trợ của hộ bà Lê Thị Thứ (chết), con Lê Quang Liêm là 448.543.000 đồng và chi phí phục vụ công tác bồi

thường, GPMB (2%) là 8.971.000 đồng đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 24/4/2023. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh giảm là 457.514.000 đồng;

#### 4. Về việc bố trí tái định cư

- Thu hồi 08 lô đất tái định cư đã giao cho 07 hộ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 07/7/2023.

- Giao 15 lô đất tái định cư cho 15 hộ gia đình (10 lô đất tái định cư tại Khu dân cư phía Đông chùa Bình An, phường Nhơn Bình và 05 lô đất tái định cư tại Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, KV7 và KV8, phường Nhơn Phú). Tổng diện tích đất tái định cư là 1.681m<sup>2</sup>. Tổng tiền sử dụng đất phải nộp là 12.223.280.000 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này điều chỉnh, bổ sung các Quyết định: số 1331/QĐ-UBND ngày 24/4/2023, số 1362/QĐ-UBND ngày 25/4/2023, số 1930/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 và số 2490/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 3.** Ban GPMB tỉnh bàn giao cho UBND phường Nhơn Phú quản lý phần diện tích đất ở thu hồi 191,30m<sup>2</sup> nằm ngoài ranh giới quy hoạch của dự án và không được tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi phần đất này; đồng thời, chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này đúng quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19. (M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tự Công Hoàng**

**PHỤ LỤC IV**  
**BẢNG TỔNG HỢP GIAO ĐẤT TĐC VÀ TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT PHẢI NỘP CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH DO GPMB**  
**DỰ ÁN: TUYẾN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639), ĐOẠN TỪ QL1D ĐẾN QL19 (MỚI)**  
 Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Diện tích đất ở được bồi thường (m <sup>2</sup> )	Lô đất TĐC được giao				Diện tích giao đất TĐC bằng diện tích đất ở thu hồi (m <sup>2</sup> )	Giá đất cụ thể để thu tiền sử dụng đất ở TĐC (đồng/m <sup>2</sup> )	Diện tích giao đất TĐC vượt diện tích đất ở thu hồi (m <sup>2</sup> )	Giá đất ở thị trường (đồng/m <sup>2</sup> )	Giá trị tiền sử dụng đất hộ phải nộp (đồng)
				Lô số, Khu	Đường (lộ giới)	Vị trí đất TĐC được giao	Diện tích (m <sup>2</sup> )					
1	Võ Trần Gia Thi	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	78,4	Lô 6 - Khu O	đường Đ1(B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	83,80	78,40	7.500.000	5,4	10.000.000	<b>642.000.000</b>
2	Võ Kim Hưng, vợ Trần Thị Cư	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	83,4	Lô 54 - Khu N	đường Đ1(B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	93,0	83,4	7.500.000	9,6	10.000.000	<b>721.500.000</b>
3	Ngô Đình Hào, vợ Võ Thị Thanh Thủy	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	64,7	Lô 14- Khu N	đường Đ14, lộ giới 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	75,0	64,7	7.500.000	10,3	10.000.000	<b>588.250.000</b>
4	Trần Thanh Thế, vợ Ngô Thị Thanh Phương	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	68,1	Lô 13- Khu N	đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	75,0	68,1	7.500.000	6,9	10.000.000	<b>579.750.000</b>
5	Nguyễn Đình Thanh, vợ Trần Thị Anh	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	63,7	Lô 30- Khu N	đường Đ14, lộ giới 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	75,0	63,7	7.500.000	11,3	10.000.000	<b>590.750.000</b>
6	Nguyễn Tấn Hay, vợ Trần Thị Cẩm	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	204,1	Lô 17- Khu N	đường Đ14, lộ giới 12m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	225,0	204,1	7.500.000	20,9	10.000.000	<b>1.739.750.000</b>
7	Lê Thị Thứ (chết), con Lê Quang Liêm (ĐDKK)	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	22,8	Lô 9- Khu LK1	đường ĐS6, lộ giới 12m	Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, KV7-8, P. Nhơn Phú	85,6	22,8	4.500.000	62,8	9.600.000	<b>705.480.000</b>
8	Nguyễn Hữu Hưng, vợ Nguyễn Thị Thanh Hằng	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	102,2	Lô 46 - Khu N	đường Đ1(B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	108,5	102,2	7.500.000	6,3	10.000.000	<b>829.500.000</b>

9	Huỳnh Văn Thu, vợ Nguyễn Thị Kiều Minh	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	75,1	Lô 45 - Khu N	đường Đ1(B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	77,5	75,1	7.500.000	2,4	10.000.000	<b>587.250.000</b>
10	Lê Công Hào, vợ Thân Thị Thùy Anh	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	75,7	Lô 5 - Khu O	đường Đ1(B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía đông chùa Bình An	78,18	75,70	7.500.000	2,5	10.000.000	<b>592.550.000</b>
11	Võ Văn Mười, vợ Phạm Thị Hương Lan	kv6, Nhơn Phú	103,8	Lô 6đ- Khu O	đường Đ1(B-B), lộ giới 15,5m	Khu dân cư phía Đông chùa Bình An	119,4	103,8	7.500.000	15,6	10.000.000	<b>934.500.000</b>
12	Huỳnh Khánh Thu, vợ Lê Thị Thừa	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	200,0	Lô 15-Khu LK3	đường ĐS7, lộ giới 16m	Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, KV7-8, P. Nhơn Phú	265,0	200,0	5.600.000	65,0	11.200.000	<b>1.848.000.000</b>
13	Nguyễn Ngon	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	200,0	Lô 3đ-Khu LK4	đường ĐS7, lộ giới 16m	Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, KV7-8, P. Nhơn Phú	200,0	200,0	5.600.000	0,0		<b>1.120.000.000</b>
14	Trần Văn Dưỡng, bà Trần Thị Kim Lượng	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	40,0	Lô 9-Khu LK3	đường ĐS2, lộ giới 12m	Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, KV7-8, P. Nhơn Phú	60,0	40,0	4.500.000	20,0	9.600.000	<b>372.000.000</b>
15	Huỳnh Lê Sơn	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	40,0	Lô 10-Khu LK3	đường ĐS2, lộ giới 12m	Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, KV7-8, P. Nhơn Phú	60,0	40,0	4.500.000	20,0	9.600.000	<b>372.000.000</b>
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.422,0</b>				<b>1.681,0</b>	<b>1.422,0</b>		<b>259,0</b>		<b>12.223.280.000</b>

**PHỤ LỤC III**

**NG HỢP THU HỒI CÁC LÔ ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ ĐÃ ĐƯỢC UBND TỈNH PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 2490/QĐ-UBND NGÀY 07/7/2023  
DỰ ÁN: TUYẾN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639), ĐOẠN TỪ QUỐC LỘ 1D ĐẾN QUỐC LỘ 19 (MỚI)**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ	Thu hồi các lô đất tái định cư đã giao cho các hộ gia đình được phê duyệt tại Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh							Ghi chú
			Diện tích đất ở được bồi thường (m <sup>2</sup> )	Lô đất số, mặt đường	Vị trí đất tái định cư được giao	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Đơn giá đất ở cụ thể tái định cư (đồng/m <sup>2</sup> )	Đơn giá đất ở cụ thể theo thị trường (đồng/m <sup>2</sup> )	Giá trị tiền sử dụng đất chủ hộ thực nộp (đồng)	
1	Võ Trần Gia Thi	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	52,36	Lô 10- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía Đông chùa Bình An	60,0	7.500.000	10.000.000	469.100.000	
2	Trần Thị Cư, chồng Võ Kim Hưng	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	52,74	Lô 9- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía Đông chùa Bình An	60,0	7.500.000	10.000.000	468.150.000	
3	Ngô Đình Hào, vợ Võ Thị Thanh Thủy	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	82,7	Lô 14- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía Đông chùa Bình An	90,0	7.500.000	10.000.000	693.250.000	
4	Trần Thanh Thế, vợ Ngô Thị Thanh Phượng	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	85,2	Lô 13- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía Đông chùa Bình An	90,0	7.500.000	10.000.000	687.000.000	
5	Nguyễn Đình Thanh, vợ Trần Thị Anh	Khu vực 6, P. Nhơn Phú	78,0	Lô 30- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía Đông chùa Bình An	75,0	7.500.000		562.500.000	

6	Nguyễn Tấn Hay, vợ Trần Thị Cẩm	Khu vực 6 , P.Nhon Phú	230,20	Lô 17- Khu N-đường Đ14, rộng 12m	Khu dân cư phía Đông chùa Bình An	150,0	7.500.000		1.125.000.000	
				Lô 17đ - Khu N-đường Đ14, rộng 12m		75,0	7.500.000		562.500.000	
7	Lê Thị Thứ (chết), con Lê Quang Liêm (ĐDKK)	Khu vực 6, P.Nhon Phú	42,4	Lô 9- Khu LK1-đường ĐS6, rộng 12m	Khu dân cư phía Đông chùa Bình An	85,6	5.500.000	12.000.000	751.600.000	
<b>Tổng cộng</b>			<b>623,6</b>			<b>685,6</b>			<b>5.319.100.000</b>	

**PHỤ LỤC II**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH GIẢM TOÀN BỘ GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO 07 HỘ GIA ĐÌNH BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB DỰ ÁN: TUYẾN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639), ĐOẠN TỪ QL1D ĐẾN QL19 (MỚI)**

**Địa điểm: phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định							Giá trị điều chỉnh giảm
			Giá trị BT đất đai	Các khoản hỗ trợ			Giá trị BT vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu	Tổng giá trị BT, HT	
				Hỗ trợ chuyển đổi nghề/Hỗ trợ 50% giá đất ở	Hỗ trợ di chuyển tài sản và tiền thuê nhà	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB				
<b>I</b>	<b>ĐIỀU CHỈNH GIẢM GIÁ TRỊ BT, HT ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1362/QĐ-UBND NGÀY 25/4/2023 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH</b>									
1	Ngô Đình Hào, vợ Võ Thị Thanh Thủy	KV 6, P.Nhơn Phú	2.757.836.500		29.000.000	7.000.000	407.902.791		3.201.739.291	<b>3.201.739.291</b>
2	Trần Thanh Thế, vợ Ngô Thị Thanh Phượng	KV 6, P.Nhơn Phú	2.982.000.000		29.000.000	7.000.000	691.718.956		3.709.718.956	<b>3.709.718.956</b>
3	Đình Văn Quyền, vợ Lê Thị Nữ	KV 6, P.Nhơn Phú	3.094.000.000		16.000.000	5.000.000	496.553.840		3.611.553.840	<b>3.611.553.840</b>
<b>A</b>	<b>Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh giảm</b>									<b>10.523.012.000</b>
<b>B</b>	<b>Giảm chi phí GPMB (2%)</b>									<b>210.460.000</b>
<b>C</b>	<b>Tổng giá trị điều chỉnh giảm: (A) + (B)</b>									<b>10.733.472.000</b>
<b>II</b>	<b>ĐIỀU CHỈNH GIẢM GIÁ TRỊ BT, HT ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1331/QĐ-UBND NGÀY 24/4/2023 CỦA CT UBND TỈNH</b>									
1	Lê Thị Thứ (chết) - con Lê Quang Liêm	KV 6, P.Nhơn Phú	296.800.000		27.000.000	5.000.000	119.743.320		448.543.320	<b>448.543.320</b>
<b>A</b>	<b>Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh giảm</b>									<b>448.543.000</b>
<b>B</b>	<b>Giảm chi phí GPMB (2%)</b>									<b>8.971.000</b>
<b>C</b>	<b>Tổng giá trị điều chỉnh giảm: (A) + (B)</b>									<b>457.514.000</b>



TT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định							Giá trị điều chỉnh giảm
			Giá trị BT đất đai	Các khoản hỗ trợ			Giá trị BT vật kiến trúc	Cây cối, hoa màu	Tổng giá trị BT, HT	
				Hỗ trợ chuyển đổi nghề/Hỗ trợ 50% giá đất ở	Hỗ trợ di chuyển tài sản và tiền thuê nhà	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB				
<b>III</b>	<b>ĐIỀU CHỈNH GIẢM GIÁ TRỊ BT, HT ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1930/QĐ-UBND NGÀY 01/6/2023 CHỦ TỊCH UBND TỈNH</b>									
1	Nguyễn Tấn Hay, vợ Trần Thị Cẩm	KV 6, P.Nhon Phú	7.093.931.000	309.750.000	29.000.000	7.000.000	1.710.894.591		9.150.575.591	<b>9.150.575.591</b>
2	Nguyễn Đình Thanh, vợ Trần Thị Anh	KV 6, P.Nhon Phú	2.730.000.000		27.000.000	5.000.000	345.638.599	737.600	3.108.376.199	<b>3.108.376.199</b>
3	Phạm Văn Nga	KV 6, P.Nhon Phú	4.532.500.000		27.500.000	5.000.000	456.612.724		5.021.612.724	<b>5.021.612.724</b>
<b>A</b>	<b>Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh giảm</b>									<b>17.280.565.000</b>
<b>B</b>	<b>Giảm chi phí GPMB (2%)</b>									<b>345.611.000</b>
<b>C</b>	<b>Tổng giá trị điều chỉnh giảm: (A) + (B)</b>									<b>17.626.176.000</b>

**PHỤ LỤC I**  
**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB**  
**DỰ ÁN: TUYẾN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639), ĐOẠN TỪ QL 1D ĐẾN QL19 (MỚI)**  
**Địa điểm: phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định**  
*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Số liệu đo đạc phục vụ GPMB			Loại đất	DT thu hồi theo Quy hoạch (m <sup>2</sup> )	Trong đó			Giá trị BT, HT đất đai	Các khoản hỗ trợ		Giá trị BT, HT vật kiến trúc	Giá trị BT cây cối, hoa màu	Tổng giá trị BT, HT
			Số thửa	Mảnh trích đo số	Tổng DT (m <sup>2</sup> )			Đất ở (m <sup>2</sup> )	Đất nông nghiệp (m <sup>2</sup> )	DT không BT (m <sup>2</sup> )		Hỗ trợ di chuyển tài sản, tiền thuê nhà và hỗ trợ khác	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB			
<b>Các hộ có đất thu hồi nằm trong lộ giới đường sắt</b>																
1	Võ Trần Gia Thi	kv6, Nhơn Phú	17	1	92,3	ODT	92,3	78,4		13,9	2.744.000.000	27.000.000	5.000.000	500.005.563	0	3.276.005.563
2	Võ Kim Hưng, vợ Trần Thị Cư	kv6, Nhơn Phú	335	1	97,5	ODT	97,5	83,4		14,1	2.919.000.000	27.000.000	5.000.000	525.764.851	0	3.476.764.851
3	Nguyễn Hữu Hưng, vợ Nguyễn Thị Thanh Hằng	kv6, Nhơn Phú	18	1	122,7	ODT	122,7	102,2		20,5	3.577.000.000	29.000.000	7.000.000	667.009.306	0	4.280.009.306
4	Huỳnh Văn Thu, vợ Nguyễn Thị Kiều Minh	kv6, Nhơn Phú	334	1	125,5	ODT	125,5	75,1		50,4	2.628.150.000	29.500.000	6.000.000	322.779.080	0	2.986.429.080
5	Lê Công Hào, vợ Thân Thị Thùy Anh	kv6, Nhơn Phú	16	1	87,6	ODT	87,6	75,7		11,9	2.649.500.000	27.500.000	5.000.000	393.091.794	0	3.075.091.794
6	Ngô Đình Hào, vợ Võ Thị Thanh Thủy	kv6, Nhơn Phú	21	1	82,7	ODT	82,7	64,7		18,0	2.264.500.000	29.000.000	7.000.000	435.720.434	0	2.736.220.434
7	Trần Thanh Thế, vợ Ngô Thị Thanh Phượng	kv6, Nhơn Phú	20	1	85,2	ODT	85,2	68,1		17,1	2.383.500.000	29.000.000	7.000.000	750.686.260	0	3.170.186.260
8	Đình Văn Quyền, vợ Lê Thị Nữ	kv6, Nhơn Phú	7	1	127,7	ODT	127,7	88,4		39,3	3.093.825.000	27.000.000	5.000.000	467.224.910	0	3.593.049.910

9	Nguyễn Đình Thanh, vợ Trần Thị Anh	kv6, Nhơn Phú	9	1	78,0	ODT	78,0	63,7		14,3	2.229.500.000	27.000.000	5.000.000	364.873.325	737.600	2.627.110.925		
10	Nguyễn Tân Hay, vợ Trần Thị Cẩm	kv6, Nhơn Phú	8	1	247,9	ODT	247,9	204,1		43,8	6.489.431.000	29.000.000	7.000.000	1.908.702.504	0	8.434.133.504		
11	Võ Văn Mười, vợ Phạm Thị Hương Lan	kv6, Nhơn Phú	10	1	129,5	ODT	129,5	103,8		25,7	3.633.000.000	27.500.000	5.000.000	505.034.192	0	4.170.534.192		
12	Lê Thị Thứ (chết), con Lê Quang Liêm	kv6, Nhơn Phú	279	1	42,4	ODT	42,4	22,8		19,6	159.600.000	27.000.000	5.000.000	128.242.550	0	319.842.550		
<b>Các hộ có đất thu hồi nằm ngoài lộ giới đường sắt</b>																		
1	Huỳnh Khánh Thu, vợ Lê Thị Thừa	kv6, Nhơn Phú	27	1	415,0	ODT+BHK	415,0	200,0	365,9	248,6	3.390.458.000	27.000.000	5.000.000	1.690.332.444	47.272.000	5.160.062.444		
			25	1	132,8		132,8											
			339	1	156,3		156,3											
			26	1	110,4		110,4											
2	Nguyễn Ngon	kv6, Nhơn Phú	178	1	655,0	LUC	354,5	0,0	354,5	0,0	2.843.666.280	27.000.000	5.000.000	1.424.749.846	124.356.500	4.424.772.626		
			179	1	1.142,1	ODT+BHK	1.142,1	200,0	902,1	40,0								
			20	1	1.471,4	ODT+BHK	105,8	0,0	105,8	0,0								
3	Trần Văn Dưỡng, bà Trần Thị Kim Lượng	kv8, Nhơn Phú	172	1	83,4	ODT	83,4	40,0	0,0	43,4	160.000.000	0	0	0	1.503.000	161.503.000		
4	Huỳnh Lê Sơn	kv8, Nhơn Phú	105	1	78,6	ODT	78,6	40,0	0,0	38,6	160.000.000	0	0	0	195.000	160.195.000		
5	Lê Văn Tuôi	kv6, Nhơn Phú	154	1	104,5	BHK	104,5	0,0	0,0	104,5	0	0	1.000.000	0	0	1.000.000		
<b>A. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ</b>							<b>4.002,4</b>	<b>1.510,4</b>	<b>1.728,3</b>	<b>763,7</b>	<b>41.325.130.280</b>	<b>389.500.000</b>	<b>80.000.000</b>	<b>10.084.217.060</b>	<b>174.064.100</b>	<b>52.052.911.000</b>		
<b>B. Chi phí GPMB: (A) x 2%</b>																	<b>1.041.058.000</b>	
<b>C. Tổng cộng: (A) + (B)</b>																		<b>53.093.969.000</b>